TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 206/2026/QĐST-HNGĐ	*Bắc Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 404/2026/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1993.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân: 024193005502.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn Đ**, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1990.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, tỉnh Bắc Ninh

Căn cước công dân: 024090001159.

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Nhuận T, sinh ngày sinh ngày 12 tháng 9 năm 2014 số định danh cá nhân: (024214014182) cho anh Trần Văn Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc

đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Đ không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Đ không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: 0001156 ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả chị Nguyễn Thị B 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 - Bắc Ninh;
- UBND phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Minh